

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày: 17 – 6 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuộng

2. Bà Nguyễn Ngọc Tải

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2020/TL.ST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh T (có mặt); địa chỉ: Ấp TL, TLA, CTA, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B (vắng mặt); địa chỉ: Ấp TL, TLA, CTA, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày: Vào ngày 20/10/2017 (âm lịch), bà Nguyễn Thị B có đến nhà ông hỏi mượn số tiền là 2.000.000đồng để lo việc gia đình. Khi mượn không có làm giấy tờ, nhưng bà B có hẹn là hết mùa lúa đông xuân sẽ trả. Tuy nhiên, sau đó đã qua bốn mùa lúa mà bà B vẫn không trả tiền mà cứ tiếp tục hứa hẹn, bà B còn cho rằng số tiền trên là bà B mượn giùm cho người khác nên không hẹn ngày trả. Ông đã nhiều lần đến gặp bà B để yêu cầu tiền nhưng vẫn không

trả, do đó ông khởi kiện yêu cầu bà B phải trả số tiền nợ vay là 2.000.000đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Quá trình tố tụng tại tòa án, bà Nguyễn Thị B trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2020 như sau: Bà có vay giùm người cháu số tiền 2.000.000đồng của ông T. Nay ông T yêu cầu bà trả số tiền trên thì bà cũng đồng ý trả cho ông T trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 07/02/2020 vì người bà vay giùm hứa với bà là 10 ngày nữa sẽ trả.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng pháp luật; các đương sự chấp hành tốt pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Bà B thừa nhận có vay của ông T số tiền 2.000.000đồng và hứa hẹn sẽ trả cho ông T số tiền trên, nhưng đến thời điểm tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm bà B chưa thực hiện việc trả nợ. Do đó, ông T yêu cầu bà B phải trả số tiền nợ trên là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 buộc bà B phải trả cho ông T 2.000.000đồng. Án phí buộc bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Giữa ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị B có thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tài sản. Quá trình thực hiện hợp đồng bà B không thanh toán đúng như thỏa thuận nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B trả số tiền gốc đã vay là 2.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Xét đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà B vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà B là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua đối chiếu lời khai của ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị B xác định được bà B có vay của ông T số tiền là 2.000.000đồng. Về nội dung và hình thức hợp đồng vay phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Cụ thể, ông T và bà B có

thỏa thuận miệng việc ông T cho bà B vay tiền. Mặc dù không có lập thành văn bản nhưng thực tế hợp đồng đã được xác lập, bà B cũng thừa nhận việc có vay của ông T với số tiền là 2.000.000đồng. Ngoài ra, đến thời điểm xét xử cũng đã hết thời hạn 10 ngày bà B thỏa thuận trả tiền cho ông T nhưng bà B vẫn không cung cấp được chứng cứ về việc trả tiền. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bà B phải trả cho ông T số tiền nợ vay là 2.000.000đồng. Ông T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền bà B thiếu nợ là có lợi cho bà B.

[4] Bà B cho rằng bà vay tiền của ông T là vay giùm cho người cháu nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận vay giùm. Do đó, xét thấy không cần thiết phải làm rõ việc bà B có vay giùm người khác hay không trong vụ án này. Trường hợp sau này bà B có chứng cứ chứng minh có thỏa thuận vay giùm thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T.

[2] Buộc bà Nguyễn Thị B trả cho ông Lê Minh T số tiền nợ vay là 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

[3] Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Lê Minh T được nhận lại số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002154 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A.

[5] Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9, 9a Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên